

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 04-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Xuyên;
Ông Nguyễn Viết Tiến.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Tiến và bà Nông Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST - HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. **Trần Văn H1** Sinh ngày 24/5/1985 tại huyện H thành phố H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C xã Đ, huyện H; thành phố H; chỗ ở hiện nay: Số 134, đường H, khu 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Đ; con bà: Trần Thị L; vợ: Nông Thị Minh C, Sinh năm 1986; Con: Có 03 con (lớn nhất 13 tuổi, bé nhất 04 tuổi); tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 16/10/2023 đến ngày 24/01/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn bắt về hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đến ngày 19/3/2024 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn, có mặt.

2. **Nguyễn Phạm T1** sinh ngày 19/4/1992 tại huyện P, tỉnh T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy L; con bà: Phạm Thị Kim O; Vợ: Ma Thị H, Sinh năm 2002; Con: Có 02 con (lớn nhất 07 tuổi, bé nhất 02

tuổi); tiền án; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ 16/10/2023 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thành T2, sinh năm 1988, trú tại: Khu M, thị trấn T huyện T , tỉnh L, vắng mặt

2. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988, trú tại: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

3. Triệu Thị Phương D1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh L, có mặt;

4. Nông Giang A1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện T, tỉnh L, có mặt;

5. Hoàng Thị D2, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;

6. Hoàng Tú U, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;

7. Hoàng Thị Thu P, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

8. Nông Thị Thùy D3, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh L, có mặt;

9. Nông Thế C, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

10. Lương Thị Minh T, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn P, xã Q huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

11. Hoàng Thu D4, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T , tỉnh L, vắng mặt;

12. Đinh Thị Y, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

13. Ngô Thu T4, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

14. Nông Thị Ngọc L, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;

15. Nông Minh Anh V, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện H , tỉnh L, vắng mặt;

16. Lương Minh Q, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;

17. Hoàng Phi H, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn K, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;

18. Lý Mạnh T5, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn K, xã C huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
19. Chu Đức T6, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
20. Mã Văn H2, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn K, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
21. Trương Công T7, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
22. Nông Duy K1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, có mặt;
23. Hoàng Thái T8, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn N, xã Q huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
24. Lý Hải N1, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
25. Lê Đức T9, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, có mặt;
26. Lưu Văn Thành N2, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn K, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
27. Triệu Xuân L1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
28. Hoàng Gia K2, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
29. Bế Thị Kim L2, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
30. Bế Quốc V, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn Đ, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;
31. Ma Thị A1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Q, xã H , huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
32. Đoàn Thị B1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh L, có mặt;
33. Triệu Thị M, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh L, có mặt;
34. Hà Thị L3, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện T, tỉnh L, có mặt;
35. Dương Thị X, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;
36. Nông Thị Thu T10, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn Thống N, xã Q huyện T, tỉnh L, có mặt;

37. Phan Thùy T11, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn L, xã Q ,huyện T, tỉnh L, có mặt;
38. Trần Duy N3, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;
39. Nông Việt B2, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh L, có mặt;
40. Mông Ngọc K3, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã K,huyện T, tỉnh L, có mặt;
41. La Thế H3, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn H, xã K huyện T, tỉnh L, có mặt;
42. La Anh T12, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã K huyện T, tỉnh L, có mặt;
43. Tài Thị N4, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
44. Lương Kim C, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh L, vắng mặt;
45. Lý Văn Q1, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã K huyện T, tỉnh L, có mặt;
46. Triệu Thị Hoài A2, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;
47. Triệu Thị Lan A3, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
48. Chu Minh H4, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B2, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;
49. Triệu Thị T13, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;
50. Triệu Chí K4, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn S , xã C, huyện T, tỉnh L, có mặt;
51. Đặng Trung K5, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);
52. Dương Thị M, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh L, có mặt;
53. Hoàng Thị Thùy L3, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;
54. Lộc Minh H5, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;
55. Lương Thị Kim T14, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh L, có mặt;

56. Nông Hoài T15, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

57. Đàm Lê H6, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

58. Nguyễn Thị Thu T16, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh L, có mặt;

59. Hoàng Thị H7, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

60. Ma Thanh T17, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

61. Trần Thị Thu Y, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh L, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

62. Nông Thị Thu P, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;

63. Lương Minh Q2, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn K, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;

64. Mạc Văn T18, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn B, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;

65. Lương Đức D1, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn K, xã C huyện T, tỉnh L, có mặt;

66. Nông Thị Mai L4, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;

67. Nguyễn Bảo N4, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh L, vắng mặt;

68. Ma Thùy H8, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn N, xã , huyện T, tỉnh L, có mặt;

69. Đinh Thị N5, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh , có mặt;

70. Bàn Văn Q3, sinh năm 2007. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;

71. Đinh Xuân D2, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh L, có mặt;

72. Chu Quỳnh A4, sinh năm 2008. Địa chỉ: Thôn B, xã T ,huyện T, tỉnh L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7/2023, Trần Văn H1 thực hiện mua bán tiền ảo USDT trên mạng Internet để kiếm lợi nhuận. Do hệ thống quy định giao dịch chuyển tiền không được trùng tài khoản, do vậy H1 cần nhiều tài khoản Ngân hàng khác nhau để thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên. Vì thế, H1 đã tìm người mở tài khoản Ngân hàng có đăng ký dịch vụ Internet Banking để thu mua và sử dụng vào việc mua bán tiền ảo. Trần Văn H1 đã thuê Nguyễn Phạm T1 đi tìm học sinh và những người dân sinh sống trên địa bàn huyện Trảng Định để mở tài khoản sau đó trả công cho T1. Sau khi bàn bạc, T1 đồng ý và cả hai thống nhất cách thức thực hiện như sau: Người đi mở tài khoản dùng Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân để đăng ký, còn điện thoại di động, sim, mật khẩu đăng ký dịch vụ Internet Banking và phí đăng ký (nếu có) do H1 cung cấp cho T1 để T1 đưa cho từng người trả, sau khi Đăng ký thành công, T1 đưa lại điện thoại di động kèm thông tin tài khoản cho H1. Mỗi người đi mở tài khoản, H1 trả từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng, và tiền công H1 trả cho T1 từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/ngày. Để thuận tiện cho việc đưa đón người mở tài khoản, H1 đã thuê xe ô tô hiệu Kia Sedona màu đen, BKS 99A-656.30 của Nguyễn Thành T2, sinh năm 1988 và xe ô tô hiệu Kia Sedona màu trắng, BKS 51H-532.35 của Nguyễn Văn T3, sinh năm 1988, cùng trú tại: Khu M, thị trấn T huyện T, tỉnh L giao cho T đưa người từ thị trấn T huyện T đến thành phố L, tỉnh L để mở tài khoản.

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến khi bị phát hiện hành vi phạm tội, Trần Văn H1 và Nguyễn Phạm T1 đã mua 117 tài khoản Ngân hàng của 71 công dân sinh sống trên địa bàn huyện T, tỉnh L (trong đó 112 tài khoản thành công, 05 tài khoản không thành công). Cụ thể như sau:

Ngày 12/9/2023, Nguyễn Phạm T1 đưa 05 công dân gồm: Triệu Thị Phương D1; Nông Giang A1; Hoàng Thị D2; Hoàng Tú U và Hoàng Thị Thu P đi mở tài khoản. Trong đó, Triệu Thị Phương D1 đi thành phố L, tỉnh L mở và bán cho T tổng cộng 03 tài khoản ngân hàng gồm: 01 tài khoản tại ngân hàng Vietinbank và 02 tài khoản ngân hàng tại ngân hàng VPBank. Nông Giang A1 02 tài khoản, gồm 01 tài khoản tại ngân hàng Vietcombank và 01 tài khoản tại ngân hàng VPBank. Hoàng Thị D2 01 tài khoản tại ngân hàng Vietinbank. Hoàng Tú U 02 tài khoản ngân hàng gồm: 01 tài khoản tại ngân hàng Vietcombank; 01 tài khoản ngân hàng tại VPBank. Hoàng Thị Thu P 02 tài khoản gồm: 01 tài khoản tại ngân hàng Vietinbank; 01 tài khoản tại ngân hàng VPBank. Triệu Thị Phương D1, Nông Giang A1, Hoàng Thị D2, Hoàng Tú U, Hoàng Thị Thu P mỗi người được trả số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nguyễn Phạm T1 đã chuyển lại các tài khoản mua được cho Trần Văn H1 và được H trả công số tiền là 300.000VNĐ/ngày.

Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong các ngày từ 13, 14, 18, 19, 20, 25, 26, 28/9, ngày 02, 03 và 05/10/2023, Nguyễn Phạm T1 đã đưa 66 công dân đến thành phố L, tỉnh L để tạo tài khoản tại các Ngân hàng BIDV, Techcombank, VietcomBank, Vietinbank, VPBank. Tạo tài khoản thành công, mỗi người được H1 trả số tiền là 300.000 đồng. Nguyễn Phạm T1 đã chuyển lại các tài khoản mua được cho Trần Văn H1 và được H1 trả công 12 ngày x 300.000VNĐ/01 ngày = 3.600.000 đồng.

Ngoài ra H1 còn trả thêm cho T1 tiền giới thiệu thêm người đi mở tài khoản là 200.000 đồng. Sau khi nhận được các tài khoản trên, H1 chưa kịp sử dụng để mua bán tiền ảo trên mạng Internet thì bị lực lượng chức năng phát hiện và thu giữ đồ vật liên quan.

Cáo trạng số: 32/CT-VKSLS-P2 ngày 28 tháng 02 năm 2024 truy tố các bị cáo: Trần Văn H1 và Nguyễn Phạm T1 về tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng, quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 291 Bộ luật Hình sự 2015 và phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử đối với vụ án.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H1

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 291; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phạm T1

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H1 và Nguyễn Phạm T1 phạm tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng, quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 291 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt Trần Văn H1 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng) – 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

2.2. Xử phạt Nguyễn Phạm T1 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) – 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu, hóa giá sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 353408115033027, số IMEI2: 353409115033025

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 356418117041172, số IMEI2: 356419117041170

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1904, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 864729047482731, số IMEI2: 864729047472723

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 356567080494659.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 màu bạc, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 867939047394235, số IMEI2: 86793904394227.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12e, màu đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 860811043713253, số IMEI2: 860811043713246.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5 màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 1865394041186678, số IMEI2: 865394041186660.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 865720047039190, số IMEI2: 865720047039182

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Realme C1 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 864097049463137, số IMEI2: 864097049463129.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số seri1: 354986520553696, số seri2: 354986522553694.

- Truy thu số tiền 3.600.000 đồng do phạm tội mà có của Nguyễn Phạm T1.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa **các** bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Trong khoảng thời gian từ ngày 12/9/2023 đến ngày 05/10/2023, Nguyễn Phạm T1 đã huy động và đưa 71 công dân sinh sống trên địa bàn huyện T, tỉnh L đi mở 112 tài khoản Ngân hàng sau đó chuyển lại cho Trần Văn H1 để hưởng tiền công 300.000 đồng/ngày, sau đó Trần Văn H1 sử dụng các tài khoản này để mua bán tiền ảo USDT trên mạng Internet nhằm kiếm lợi nhuận. Hành vi của các bị can là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng, quyền được bảo mật thông tin tài khoản ngân hàng của chủ sở hữu tài khoản, đồng thời xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh

vực Tài chính - Ngân hàng, tạo điều kiện cho việc thực hiện hành vi trái pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó cần cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Như vậy bị cáo Trần Văn H1 và bị cáo Nguyễn Phạm T1 phạm tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng, quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 291 Bộ luật Hình sự 2015

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Trần Văn H1 là người giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo Nguyễn Phạm T1 là người giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

[4] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình, các bị cáo biết rõ hành vi mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng bị pháp luật cấm nhưng phạm tội do cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền được bảo vệ về bí mật thông tin của cá nhân, xâm phạm trật tự, an toàn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà các bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, chưa có tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, do vậy các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Trần Văn H1 có bố đẻ là ông Trần Văn Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chiến kháng chiến hạng nhì và huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với tài khoản Ngân hàng mà các bị cáo đã mua bán trái phép, Cơ quan điều tra đã tiến hành phong tỏa số tiền còn lại trong tài khoản đồng thời có Công văn đề nghị các Ngân hàng đã mở tài khoản hạn chế giao dịch đối với các tài khoản này.

[10] Đối với những người mở, bán tài khoản Ngân hàng cho Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Phạm T1, do số lượng tài khoản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã có Công văn

gửi Ủy ban nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đề nghị giải quyết theo thẩm quyền .

[11] Đối với 02 chiếc xe ô tô hiệu Kia Sedona, BKS 99A-656.30 của anh Nguyễn Thành T2 và xe ô tô hiệu Kia Sedona, BKS 51H-532.35 của anh Nguyễn Văn T3 là phương tiện chở người từ thị trấn T đến thành phố L để mở tài khoản Ngân hàng, quá trình điều tra xác định chủ phương tiện đã cho Trần Văn H1 thuê xe đúng quy định, quá trình thuê chủ phương tiện không biết mục đích H thuê xe để chở người đi mở tài khoản Ngân hàng nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với những chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, xác định đây là tang vật phạm tội nên cần tịch thu hóa giá để nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 3.600.000 đồng mà bị cáo T1 được bị cáo H1 trả công do đây là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

[13] Những gì khác với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử đều không được chấp nhận.

[14] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của các bị cáo tuy nguy hiểm cho xã hội nhưng ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hiện các bị cáo đang được tại ngoại; khung hình phạt truy tố có hình phạt chính có quy định hình phạt chính là hình phạt tiền; bản thân bị cáo Trần Văn H1 tự nguyện nộp 200.000.000 (hai trăm triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự để đảm bảo cho việc thi hành án. Căn cứ động cơ, mục đích, nguyên nhân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình hình thu nhập bình quân trên địa bàn huyện. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền ở mức 100.000.000 đồng cho tới 150.000.000 đồng cũng đủ để trừng phạt đối với hành vi mà các bị cáo gây ra và răn đe nhưng ai có ý định phạm tội tương tự.

[15] Về án phí: Các bị cáo, phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 291; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn H1

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 291; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Phạm T1

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H1 và Nguyễn Phạm T1 phạm tội Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng.

2. Về hình phạt: Xử phạt Trần Văn H1 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng); Nguyễn Phạm T1 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 353408115033027, số IMEI2: 353409115033025

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 356418117041172, số IMEI2: 356419117041170

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1904, màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 864729047482731, số IMEI2: 864729047472723

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI: 356567080494659.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 màu bạc, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 867939047394235, số IMEI2: 86793904394227.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12e, màu đỏ, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 860811043713253, số IMEI2: 860811043713246.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5 màu xanh, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 1865394041186678, số IMEI2: 865394041186660.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3s màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 865720047039190, số IMEI2: 865720047039182

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Realme C1 màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI1: 864097049463137, số IMEI2: 864097049463129.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, máy cũ đã qua sử dụng, số seri1: 354986520553696, số seri2: 354986522553694.

3.2. Áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 3.600.000 đồng từ bị cáo Nguyễn Phạm T1 sung công quỹ nhà nước.

(Vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06

tháng 3 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Trảng Định;
- CQ THAHS huyện Trảng Định;
- Chi cục THA DS huyện Trảng Định;
- UBND xã Đức Thượng, huyện H thành phố H
- UBND xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Văn Bình